

(Ban hành kèm Quyết định số 476/QĐ-CDYT, ngày 30 tháng 07 năm 2026 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo các ngành Cao đẳng chính quy - Năm học 2026-2027)

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																							TẾT		HỌC KỲ II																												NGHI HÈ																																																										
THÁNG TUẦN		9				10				11				12				01/2027					2		3								4							5								6								7								8								9																																									
KHOA	HỌC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32 (10/3 AL)	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																																																											
	NGÀY/LỚP	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12																																																						
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																											
Y	24CD.DD.19A					1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - 02LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				3. CS NBCC& CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)} 4. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. Môn học Tự chọn 2: SK-MT và VS{2TC - 02LT}/Dịch tễ học{2TC - 02LT}/Thực hành dựa vào bằng chứng {2TC: 01 LT - 01TH (II)}				3. CS NBCC& CSTC {1TC-TTLS (III)} - 02 nhóm				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&GB {2TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Lần 2				1. MH Tự chọn 3: SV chọn 1 nhóm tương đương 5 TC: 1.1 Chăm sóc người bệnh cao tuổi {02TC: 02 LT} 1.2. Chăm sóc người bệnh ung thư {02TC: 01 LT-01TH (II)}/ 1.3 Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội {03TC: 02 LT-01TH (II)}/ 1.4. Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại{03TC: 02 LT-01TH (II)}/ 1.5. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT} 2. CSSK Tâm thần {1TC: 01LT} 3. CSNB Truyền nhiễm {1TC: 01LT} 4. CSSK Công đồng {1TC: 01LT}								1. Tự chọn 3: 1.1 Chăm sóc người bệnh cao tuổi {01TC: 01 TTLS (III)}/ LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội 1.3. LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội {2TC: TTLS (III)}								5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}								1.2. Phục hồi chức năng {01TC: 01 TTLS} (MHTC)								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH								Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2								6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															
	24CD.DD.19B					1. CSSK trẻ em {3TC: 02 LT - 01TH (II)} 2. CSSK PN, bà mẹ và gia đình {3TC: 02 LT - 01 TH (II)} 6. Môn học Tự chọn 2: SK-MT và VS{2TC - 02LT}/Dịch tễ học{2TC - 02LT}/Thực hành dựa vào bằng chứng {2TC: 01 LT - 01TH (II)} 4. CS NBCC& CSTC {2TC: 01LT- 01 TH (II)}				5. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 6. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}				7. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				8. LS CSSK PN,BM&GB {2TC - TTLS (III)}				4. CS NBCC& CSTC {1TC - TTLS (III)} - 02 nhóm				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Lần 2				1. Tự chọn 3 1.5. Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao {02TC: 01 LT - 01 TH} 1.5. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT}/ 1.1. Y học cổ truyền {02TC: 01 LT -01TH (II)}/ 1.2. Phục hồi chức năng {02TC: 01 LT}/ 1.1 Chăm sóc người bệnh cao tuổi {02TC: 01 LT- 01TH (II)}/ 1.2. Chăm sóc người bệnh ung thư {02TC: 01 LT- 01TH (II)}/ 1.3 Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội {03TC: 02 LT- 01TH (II)}/ 1.4. Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại{03TC: 02 LT 01TH (II)}/ 1.5. Điều dưỡng phòng mổ {01TC: 01 LT}) 2. CSNB Truyền nhiễm {1TC: 01LT} 3. CSSK Công đồng {1TC: 01LT} 4. CSSK Tâm thần {1TC: 01LT}								2. CS NB truyền nhiễm {1TC: TTLS (III)}								3. CSSK công đồng {1TC: TTLS (III)}								4. CSSK tâm thần {1TC: TTLS (III)}								1. Tự chọn 3: 1.5. Điều dưỡng phòng mổ {2TC: TTLS (III)}								5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)}								1.2. Phục hồi chức năng {01TC: 01 TTLS} (MHTC)								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH								Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2								6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}							
	24CD.DD.19C					1. Xác suất, Thống kê y học {2TC - LT} 2. Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)}								7. LS CSSK PN,BM&GB {2TC - TTLS (III)}				3. CS NBCC& CSTC {1TC - TTLS (III)} - 02 nhóm				8. LS CSSK TRẺ EM {2TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Lần 2				1. MH Tự chọn 3: SV chọn a nhóm tương đương 5 TC: 1.1 Chăm sóc người bệnh cao tuổi {02TC: 02 LT} 1.2. Chăm sóc người bệnh ung thư {02TC: 01 LT-01TH (II)}/ 1.3 Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội {03TC: 02 LT-01TH (II)}/								1. Tự chọn 3: 1.1 Chăm sóc người bệnh cao tuổi {01TC: 01 TTLS (III)}/ LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội 1.3. LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội {2TC: TTLS (III)}/								5. Quản lý điều dưỡng {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 1. Tự chọn 3 1.1. Y học cổ truyền {02TC: 01 LT -01TH (II)}/ 1.2. Phục hồi chức năng {02TC: 01 LT}								1.2. Phục hồi chức năng {01TC: 01 TTLS} (MHTC)								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH								Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2								6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																															

ВНУТР. АРХИВ

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																							HỌC KỲ II																			NGHI HÈ																								
THÁNG TUẦN		9				10				11				12				-01/2027					2							3					4					5					6					7					8													
KHOA	HỌC	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32 (10/3 AL)	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53														
	NGÀY/LỚP	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12 (10/3 AL)	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12
NĂM 2 (KHOA HỌC 2024 - 2027)	TUẦN SINH HOẠT CÔNG ĐẢN	3. CS NBCC & CSTC (2TC: 01LT- 01 TH (II)) 4. CSSK trẻ em (3TC: 02 LT - 01TH (II)) 5. CSSK PN, bà mẹ và gia đình (3TC: 02 LT - 01 TH (II)) 6. Môn học Tự chọn 2: SK-MT và VS(2TC - 02LT)/Dịch tễ học(2TC - 02LT)/ Thực hành dựa vào bằng chứng (2TC: 01 LT - 01TH (II))										7. LS CSSK PN,BM&GD (2TC - TTLS (III))				3. CS NBCC & CSTC (1TC - TTLS (III)) - 02 nhóm				8. LS CSSK TRẺ EM (2TC - TTLS (III))				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1.4. Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại (03TC: 02 LT-01TH (II))/ 1.5. Điều dưỡng phòng mổ (01TC: 01 LT)/ 2. CSSK Tâm thần (1TC: 01LT) 3. CSNB Truyền nhiễm (1TC: 01LT) 4. CSSK Công đồng (1TC: 01LT) 1.4. LS Điều dưỡng chuyên khoa hệ Ngoại (2TC: TTLS (III))/1.5.Điều dưỡng phòng mổ (2TC: TTLS (III)) 2. CSSK tâm thần (1TC: TTLS (III)) 3. CS NB truyền nhiễm (1TC: TTLS (III)) 4. CSSK cộng đồng (1TC: TTLS (III)) 1.5. Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao (02TC: 01 LT- 01 TH) 1.2. Phục hồi chức năng (01TC: 01 TTLS) (MHCTC) Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2 6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA (4TC: TTLS (III))																																								
	24CD.DU.14A	1. Kinh tế được (2TC: 01 LT - 01 TH (I)) 2. Kỹ năng giao tiếp-GDSK (2TC: 02LT) 3. Xác suất, Thống kê y học (2TC: 02LT)					4. Dược lâm sàng (2TC: 02LT) 5. Kiểm nghiệm (4TC: 02LT - 02 TH (II))					4. Dược lâm sàng (3TC - TTLS (III))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Thực hành NCKH (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 2. Dược cổ truyền (3TC: 02 LT - 01TH(II))					3. Tự chọn 2 (SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)) 3.1. Marketing Dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.2. Dược mỹ phẩm (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.3. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.4. Quản trị kinh doanh dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.5. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA (4TC: TTLS (III))																											
	24CD.DU.14B	1. Kinh tế được (2TC: 01 LT - 01 TH (I)) 2. Kỹ năng giao tiếp-GDSK (2TC: 02LT) 3. Xác suất, Thống kê y học (2TC: 02LT)					4. Dược lâm sàng (2TC: 02LT) 5. Kiểm nghiệm (4TC: 02LT - 02 TH (II))					4. Dược lâm sàng (3TC - TTLS (III))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Thực hành NCKH (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 2. Dược cổ truyền (3TC: 02 LT - 01TH(II))					3. Tự chọn 2 (SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)) 3.1. Marketing Dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.2. Dược mỹ phẩm (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.3. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.4. Quản trị kinh doanh dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3.5. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					4. THỰC TẬP CUỐI KHÓA (4TC: TTLS (III))																											
	24CD.DU.14C	1. Kiểm nghiệm (4TC: 02LT - 02 TH (II)) 2. Dược lâm sàng (2TC: 02LT)					2. Dược lâm sàng (3TC - TTLS (III))					3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK (2TC: LT) 4. Xác suất, Thống kê y học (2TC: LT) 5. Kinh tế được (2TC: 01 LT - 01 TH (I))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tự chọn 2 (SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)) 1.1. Marketing Dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.2. Dược mỹ phẩm (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.3. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.4. Quản trị kinh doanh dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.5. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I))					2. Thực hành NCKH (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3. Dược cổ truyền (3TC: 02 LT - 01TH(II))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA (4TC: TTLS (III))																											
	24CD.DU.14D	1. Kiểm nghiệm (4TC: 02LT - 02 TH (II)) 2. Dược lâm sàng (2TC: 02LT)					2. Dược lâm sàng (3TC - TTLS (III))					3. Kỹ năng giao tiếp-GDSK (2TC: 02LT) 4. Xác suất, Thống kê y học (2TC: 02LT) 5. Kinh tế được (2TC: 01 LT - 01 TH (I))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2		1. Tự chọn 2 (SV chọn 3 môn 06 TC: 03 LT - 03 TH (I)) 1.1. Marketing Dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.2. Dược mỹ phẩm (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.3. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.4. Quản trị kinh doanh dược (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 1.5. Thực phẩm chức năng (02TC: 01 LT - 01TH (I))					2. Thực hành NCKH (02TC: 01 LT - 01TH (I)) 3. Dược cổ truyền (3TC: 02 LT - 01TH(II))					Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH					Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2					6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA (4TC: TTLS (III))																											
XÉT TỐT NGHIỆP?																																																																				

40 KH 2

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																					TẾT		HỌC KỲ II																					NGHIỆM																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
THÁNG		9				10				11				12				01/2027				2		3				4				5				6				7				8				9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
KHOA	HỌC	NGÀY/LỚP		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
Y	H	24CD.HA.16	1. KT chụp CLBT và CHTHN {1TC: 01LT} 2. KTXQ có dùng thuốc cản quang {1TC: 01LT} 3. Kỹ thuật siêu âm {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 4. Chẩn đoán hình ảnh XQ {3TC: 02 LT - 01 TH (II)}								3. KT chụp CLBT và CHTHN {1TC: TTLS (III)}	4. KTXQ có dùng thuốc cản quang {2TC - TTLS (III)}	5. Tự chọn 2: SV chọn 1 môn tương đương 2 tín chỉ: 5.1 Giải phẫu bệnh {2TC: 01 LT - 01 TH (II)}/ 5.2. Dinh dưỡng – Tiết chế {2TC: 02LT}/ 5.3. Sức khỏe môi trường- Vệ sinh {2TC: 02LT}/ 5.4. Dịch tễ học {2TC: 02LT}/ 5.5. Bệnh học chuyên khoa {2TC: 02LT}				6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 2 {4TC - TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: 02LT} 2. Thực hành nghiên cứu khoa học {2TC: 01LT - 01 TH (I)} 3. Tự chọn 3: SV chọn 1 nhóm tương đương 5 tín chỉ 3.1. Kỹ thuật cắt lớp vi tính trong các chuyên khoa {1TC: 01LT} 3.1. Kỹ thuật siêu âm trong các chuyên khoa {1TC: 01LT}/ 3.2. Kỹ thuật X quang trong các chuyên khoa {1TC: 01LT} 3.2. Bảo trì máy {1TC: 01LT}				3.1. Kỹ thuật cắt lớp vi tính trong các chuyên khoa (TTLS) {2TC - TTLS (III)}/3.2. Kỹ thuật X quang trong các chuyên khoa {2TC: 02TTLS (III)}	3.1. Kỹ thuật siêu âm trong các chuyên khoa {1TC: 01LT}/ 3.2. Bảo trì máy {1TC: 01TTLS (III)}	4. THỰC TẬP LÂM SÀNG 3 {4TC: TTLS (III)} (SV TTLS bù lễ T7&CN cho những ngày nghỉ Lễ theo quy định)				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	5. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
			1. Hóa sinh 2 {4TC: 02LT - 02 TH(II)} 2. Bảo đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm {2TC: 01 LT - 01 TH (II)} 3. Huyết học truyền máu {2TC: 01 LT - 01 TH (II)}										4. Kỹ sinh trùng 2 {2TC: 01 LT - 01 TH (II)} 5. Hóa sinh 3 {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 6. Vi sinh 3 {3TC: 01 LT - 02 TH (II)} 7. Kỹ sinh trùng 3 {2TC: 01 LT - 01 TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	4. THỰC HÀNH XÉT NGHIỆM 2 {4TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	6. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
			1. Chăm sóc sau đẻ {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Chăm sóc sơ sinh {2TC: 01LT - 01 TH (II)} 3. Quản lý hồ sơ sinh {2TC: 02 LT}				4. CS trong phẫu thuật Sản Phụ khoa {2TC: 02 LT} 5. Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ {01TC: 01 LT} 6.Tự chọn 2 Sức khỏe môi trường và vệ sinh {2TC: LT})/ Dịch tễ học {2TC: LT}						1. Chăm sóc sau đẻ {1TC: TTLS (III)} 2. Chăm sóc SK sơ sinh {1TC: TTLS (III)} 5. BL liên quan đến TN và SD {1TC: TTLS (III)} 7. LS CS trong phẫu thuật sản phụ khoa {2TC - TTLS (III)}	Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	1. Xác suất, Thống kê y học {2TC: 02 LT} 2.Thực hành NCKH {02TC: 01 LT - 01TH (I)} 3. Dân số-Kế hoạch hóa gia đình-PT an toàn {3TC: 02 LT - 01TH (II)}				3. DS- KHHG Đ- PTAN {01TC: 01TTLS (III)}					4. Tự chọn 3 {SV chọn 2 môn 04 TC} 4.1. CSSK Sinh sản vị thành niên {02 TC: 01 LT - 01 TH (II)} 4.2. CSSK phụ nữ tuổi mãn kinh {01 TC: 01LT} 4.3. Chăm sóc sơ sinh năng cao và trẻ dưới 5 tuổi {02 TC: 01 LT - 01 TH (II)} 4.4. Phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản {1TC: TTLS (III)}				4.2. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ tuổi mãn kinh {1TC: TTLS (III)}/ 4.4. Phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản {1TC: TTLS (III)}	Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH	Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2	5. THỰC TẬP CUỐI KHÓA {4TC: TTLS (III)}																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
			1. KT Phục hình có định 2: mão, cầu kim loại {3TC: 01LT - 02TH(II)} 2. Xác suất, Thống kê y học {2TC: 02 LT} 3. KT Phục hình mão sứ, kim loại {3TC: 01LT - 02TH(II)} 4. KT phục hình cầu sứ, kim loại {3TC: 01LT - 02TH (II)}													5. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 2 {3TC: 03 TTLS (II)}									6. KT phục hình khung, khung liên kết {3TC: 01LT - 02TH(II)}	Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH						Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2			1. Tự chọn {SV chọn 01 nhóm tương đương 05 tín chỉ} 1.1. Implant và kỹ thuật trên implant/ 2.2. KT PH toàn sứ {3TC: 01 LT - 02TH (II)} 1.1. Công nghệ CAD/CAM nha khoa/ 2.1. Mỹ thuật ứng dụng {2TC: 01 LT - 01TH (II)} / 1.2. Mỹ thuật ứng dụng {2TC: 01 LT - 01TH (II)} 1.2. Kỹ thuật phục hình toàn sứ {3TC: 01 LT - 02TH (II)} 2. Thực hành NCKH {2TC: 01LT - 01TH (I)}				3. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 3 {3TC: 03 TTLS (II)}				4. KT chỉnh hình răng-mặt {3TC: 01LT - 02TH (II)}																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
24CD.PHR.7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					</									

[illegible]

HQC 2026-2027		HỌC KỲ I																				TẾT		HỌC KỲ II																				NGHI HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
THÁNG		9				10				11				12				01/2027				2						3				4				5				6				7				8					9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
NGÀY/LỚP		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
25CD.DU.15B	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN	1. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 03 LT} 4. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Tự chọn 1 {SV chọn 01 môn tương đương 02 tín chỉ} Dinh dưỡng -Tiết chế/SK Môi trường và vệ sinh/Dịch tễ học {02 TC: 01LT} 2. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}								3. Tổ chức quản lý dược {2TC: 02 LT} 4. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)}								5. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 6. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																				TẾT		HỌC KỲ II																				NGỈ HÈ												
THÁNG		9				10				11				12				01/2027				2						3				4				5				6				7				8				9				
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53		
KHOA	HỌC	NGÀY/LỚP		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6
		NGÀY/LỚP		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12
		YSIAK2025 (**)		1. Xác suất - Thống kê Y học {2TC:02LT} 2. SKMT - Vệ sinh phòng bệnh {2TC:02LT}				3. Dược lý {2TC:02LT} 4. Kỹ năng thực hành lâm sàng {2TC:02TH (II)} 5. Điều dưỡng cơ bản - KT điều dưỡng {1TC:01TH (II)}				5. Thực tập Kỹ thuật Điều dưỡng {1TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01 TH (II)} 2. Bệnh học Nội khoa {3TC: 03LT}				2. BỆNH HỌC NỘI KHOA {2TC: 02 TTLS (III)}				3. Bệnh học Ngoại khoa {3TC: 03LT} 4. Bệnh học Nhi khoa {3TC: 03LT}				2. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA {2TC: 02 TTLS (III)}				4. BỆNH HỌC NHI KHOA {2TC: 02 TTLS}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																
		YSIBK2025 (**)		1. Xác suất - Thống kê Y học {2TC:02LT} 2. SKMT - Vệ sinh phòng bệnh {2TC:02LT}				3. Dược lý {2TC:02LT} 4. Kỹ năng thực hành lâm sàng {2TC:02TH (II)} 5. Điều dưỡng cơ bản - KT điều dưỡng {1TC:01TH (II)}				5. Thực tập Kỹ thuật Điều dưỡng {1TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01 TH (II)} 2. Bệnh học Nội khoa {3TC: 03LT}				2. BỆNH HỌC NỘI KHOA {2TC: 02 TTLS (III)}				3. Bệnh học Ngoại khoa {3TC: 03LT} 4. Bệnh học Nhi khoa {3TC: 03LT}				2. BỆNH HỌC NGOẠI KHOA {2TC: 02 TTLS (III)}				4. BỆNH HỌC NHI KHOA {2TC: 02 TTLS}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																
NĂM I (KHOA HỌC 2026 - 2029)	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN	26CDH.DD.21A		1. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: 02LT} 3. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 6. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT} 7. Y đức {2TC: 02LT} 8. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 9. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		* GDTC {2TC: 02TH (II)} 1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)}				GDQP & AN				* GDTC {2TC: 02TH (II)} 1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} (Tiếp theo)				2. Điều dưỡng cơ sở 2 {04TC: 02LT - 02TH (II)} 3. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				5. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																		
		26CDH.DD.21B		1. Sinh học và Di truyền {2TC: LT} 2. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: LT} 3. Y đức {2TC: LT} 4. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 7. Sinh lý {2TC: 02LT} 8. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Điều dưỡng cơ sở 2 {04TC: 02LT - 02TH (II)}				GDQP & AN				1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Điều dưỡng cơ sở 2 {04TC: 02LT - 02TH (II)} (Tiếp theo)				3. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} * GDTC {2TC: 02TH (II)}				4. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}				5. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																
		26CDH.DD.21C		1. Y đức {2TC: 02LT} 2. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 3. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 5. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT}				6. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 8. Sinh lý {2TC: 02LT} 9. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} * GDTC {2TC: 02TH (II)}				GDQP & AN				1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} * GDTC {2TC: 02TH (II)} (Tiếp theo)				2. Điều dưỡng cơ sở 2 {04TC: 02LT - 02TH (II)} 3. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}				4. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}				5. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																
		26CDN.DD.21D (**)		1. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Sinh lý {2TC: 02LT} 3. Giao tiếp và TH điều dưỡng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Kiểm soát nhiễm khuẩn {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 6. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT} 7. Y đức {2TC: 02LT} 8. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 9. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Điều dưỡng cơ sở 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Điều dưỡng cơ sở 2 {04TC: 02LT - 02TH (II)}				GDQP & AN				3. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} * GDTC {2TC: 02TH (II)}				4. LS ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ {2TC: TTLS (III)}				5. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																				

NĂM HỌC 2026-2027			HỌC KỲ I																				TẾT		HỌC KỲ II																				NGHI HÈ													
THÁNG TUẦN			9				10				11				12				01/2027				2		3				4				5				6				7				8				9									
KHOA HỌC	NGÀY/LỚP		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32 12 (10/3 AL)	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53			
			7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12			
			13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12			
NĂM 1 (KHOA HỌC 2026 - 2029)	26CDH.DU.16A		1. Hóa học đại cương-Vô cơ {2TC: 01LT - 01TH (I)} 2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}								3. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)} 4. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)} 5. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 6. Y đức {2TC: 02LT}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH} 2. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)}				GDQP&AN		1. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH} 2. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)} (Tiếp theo)				3. Hoá hữu cơ {3TC: 02LT - 01TH (II)} * GDTC {02 TC: 02TH} 4. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 5. Sinh lý {02TC: 02LT}								6. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2									
	26CDH.DU.16B		1. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)} 2. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)} 3. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 4. Y đức {2TC: 02LT}								5. Hóa học đại cương-Vô cơ {2TC: 01LT - 01TH (I)} 6. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH}				GDQP&AN		1. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH} (Tiếp theo)				3. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 4. Sinh lý {02TC: 02LT} 5. Hoá hữu cơ {3TC: 02LT - 01TH (II)} * GDTC {02 TC: 02TH}				6. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2													
	26CDH.DU.16C		1. Y đức {2TC: 02LT} 2. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 3. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)} 4. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)}								5. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} 6. Hóa học đại cương-Vô cơ {2TC: 01LT - 01TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Hoá hữu cơ {3TC: 02LT - 01TH (II)} * GDTC {02 TC: 02TH} (Tiếp theo)				GDQP&AN		1. Hoá hữu cơ {3TC: 02LT - 01TH (II)} * GDTC {02 TC: 02TH} (Tiếp theo)				2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 3. Sinh lý {02TC: 02LT} 4. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)} 7. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2													
	26CDN.DU.16D (**)		1. Hóa học đại cương-Vô cơ {2TC: 01LT - 01TH (I)} 2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}								3. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)} 4. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)} 5. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT} 6. Y đức {2TC: 02LT}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				* GDTC {02 TC: 02TH} 1. Hoá hữu cơ {3TC: 02LT - 01TH (II)}				GDQP&AN		2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 3. Sinh lý {02TC: 02LT} 4. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)}				GDQP&AN		2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 3. Sinh lý {02TC: 02LT} 4. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)} (Tiếp theo)				6. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH} 7. Thực vật được {3TC: 02LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2											
26CDH.HA.18		1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT} 2. Y đức {2TC: 02LT} 3. VL đại cương và Lý sinh {2TC: 02LT} 4. Quản lý và tổ chức y tế {2TC: 02LT}								5. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Sinh lý {2TC: 02LT} 7. Điều dưỡng cơ sở {2TC: 01LT - 01TH (II)} 8. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} * GDTC {02TC: 02TH}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				1. Hóa sinh {02TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Vi sinh - Ký sinh trùng {02TC: 01LT - 01TH (II)} (Tiếp theo)				GDQP&AN		1. Hóa sinh {02TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Vi sinh - Ký sinh trùng {02TC: 01LT - 01TH (II)} (Tiếp theo)				3. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Dược lý {03TC: 03LT} 5. Bệnh học Nội khoa {02TC: 02LT}				6. Bệnh học Ngoại khoa và chấn thương {02TC: 02LT}				Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2														

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																		TẾT		HỌC KỲ II																		NGHIỆP																																														
THÁNG		9				10				11				12				01/2027		2		3				4				5				6				7				8				9																																								
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																																
KHOA	HỌC	NGÀY/LỚP		7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6																														
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																
NĂM I (KHOA HỌC 2026 - 2029)	TUẦN SINH HOẠT CÔNG ĐOÀN	26CDH.XN.18	1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT}				2. Y đức {2TC: 02LT}				3. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT}				4. Quản lý và tổ chức y tế {2TC: 02LT}				5. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Sinh lý {2TC: 02LT}				7. Điều dưỡng cơ sở {2TC: 01LT - 01TH (II)}				8. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} * GDTC {02TC: 02TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. KT Xét nghiệm cơ bản {02TC: 01LT - 01TH (II)}				2. Huyết học cơ sở {02TC: 01LT - 01TH (II)}				3. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH (II)}				4. Dược lý {03TC: 03LT}				5. Bệnh học {03TC: 03LT}				6. Mô phôi - Giải phẫu bệnh {02TC: 01LT - 01TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																							
		26CDH.HS.14	1. Hóa sinh {2TC: 01LT - 01TH (II)}				2. Y đức {2TC: 02LT}				3. Sinh học và Di truyền {2TC: 02LT}				4. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)}				6. Sinh lý {2TC: 02LT}				7. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				8. Kiểm soát nhiễm khuẩn {02TC: 01LT - 01TH (II)} * GDTC {02TC: 02TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {02TC: 02LT}				2. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT - 01TH}				1. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {02TC: 02LT}				2. Sinh lý bệnh - Miễn dịch {02TC: 02LT}				3. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH}				4. Sinh lý bệnh - Miễn dịch {02TC: 02LT}				5. Vật lý đại cương - Lý sinh {02TC: 02LT}				6. Dinh dưỡng - Tiết chế {02TC: 02LT}				3. Điều dưỡng cơ sở {1TC: TTLS (III)}				7. Giải phẫu sinh lý chuyên ngành {02TC: 01LT - 01TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2			
		26CDH.PHR.9	1. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH}				2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)}				3. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT}				4. Y đức {2TC: 02LT}				5. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)}				6. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)} * GDTC {02TC: 02TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Sinh lý {2TC: LT}				2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				1. Sinh lý {2TC: LT}				2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				3. Cấp cứu ban đầu {2TC: 01LT - 01TH (II)}				4. Giải phẫu đầu mặt {02TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Giải phẫu răng {04TC: 02LT - 02TH (II)}				6. Sinh cơ học phục hình răng {2TC: LT}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																			
		26CDH.PHCN.9	1. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH}				2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)}				3. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT}				4. Y đức {2TC: 02LT}				5. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)}				6. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)}				7. Điều dưỡng cơ sở {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Sinh lý {2TC: LT}				2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				1. Sinh lý {2TC: LT}				2. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)}				3. Cấp cứu ban đầu {02TC: 01LT - 01TH (II)}				4. Dược lý và tổ chức y tế {02TC: 02LT}				6. Hóa sinh {02TC: 01LT - 01TH (II)}				7. Vi sinh - Ký sinh trùng {02TC: 01LT - 01TH (II)} * GDTC {02TC: 02TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2															
		26CDH.YS.1A	1. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} *GDTC {02TC: 02TH}				2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)}				3. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT}				4. Y đức {2TC: 02LT}				5. Vi sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH		Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2		1. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)}				2. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)}				1. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)}				2. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)}				3. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT - 01TH}				4. Hoá sinh {02TC: 01LT - 01TH}				5. Sinh lý {2TC: 02LT}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																											

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																				TẾT	HỌC KỲ II																NGHỈ HÈ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
THÁNG		9				10				11				12				01/2027				2	3				4				5				6				7				8				9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
KHOA HỌC	NGÀY/LỚP	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12 (10/3/1)	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
NĂM I (KHOA HỌC 2026 - 2029)	26CDH.YS.1B	TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN		1. Pháp luật {02TC: 20 tiết LT - 10 tiết TH} 2. Giải phẫu {3TC: 02LT - 01TH (II)} 3. Kỹ năng giao tiếp - GDSK {2TC: 02LT} 4. Y đức {2TC: 02LT} 5. Vệ sinh - Ký sinh trùng {2TC: 01LT - 01TH}								6. Tin học {3TC: 01LT - 02TH (II)} *GDTC {02TC: 02TH}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2				TẾT NGUYÊN ĐÁN				1. Sinh lý {2TC: 02LT} 2. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT-01TH}				GDQP&AN				1. Sinh lý {2TC: 02LT} 2. Điều dưỡng cơ sở {02TC: 01LT-01TH} (Tiếp theo)								3. Giáo dục chính trị {5TC: 45 tiết LT - 30 tiết TH (I)} 4. Tiếng Anh {4TC: 42 tiết LT - 78 tiết TH (I)} 5. Hoá sinh {02TC: 01LT-01TH}								Công tác tổ chức Thi & Chấm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chấm Thi Lần 2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											

Ghi chú:	Nghỉ tết (Tết Nguyên Đán)	Nghỉ lễ (Các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước)	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Kết thúc môn học	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Lần 2	Thực tập lâm sàng (Tại các đơn vị lâm sàng)	Thực tập cuối khóa (Tại các đơn vị lâm sàng - Các lớp Năm 3)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Các lớp Năm 2 và Năm 1)	Xét tốt nghiệp (Các lớp Năm cuối)
----------	------------------------------	--	--	---	--	---	--	--------------------------------------

- a) TH (I): Lớp học thực hành bài tập tại lớp học (01 Tin chỉ = 30 giờ chuẩn)
b) TH (II): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập (01 Tin chỉ = 30 giờ chuẩn)
c) TH (III): Lớp học thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị lâm sàng (01 Tin chỉ = 45/40 giờ chuẩn)
d) LT: Lớp học lý thuyết tại lớp học (01 Tin chỉ = 15 giờ chuẩn)
e) *: Môn học điều kiện
f) **: Tổ chức tập học tại Cơ sở Ninh Chữ (Địa chỉ TDP Cà Đủ, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh hoà)

Lịch học từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (Học 03 ca/ngày)		
Ca	Thời gian	Ghi chú
Sáng	Từ 07h30 đến 11h30	- Đã tính giờ giải lao (15 phút sau 02 tiết hoặc 03 tiết dạy học)
Chiều	Từ 13h30 đến 17h30	- Lý thuyết 05 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Trường 04 tiết/ca sáng hoặc ca chiều
Tối	Từ 17h30 đến 20h45	- Thực hành tại Cơ sở Y tế 05 tiết/ca sáng; 04 tiết/ca chiều - Lý thuyết 04 tiết/ca tối - Thực hành tại Trường 03 tiết/ca tối

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG Y TẾ
KHÁNH HÒA
Trần Ngọc Thành

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Mai Hoa

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bùi Thị Kim Điền

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG CHÍNH QUY - NĂM HỌC 2026 - 2027

(Ban hành kèm Quyết định số 476/QĐ-CDYT, ngày 30 tháng 07 năm 2026 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo các ngành Cao đẳng chính quy - Năm học 2026-2027)

[illegible]

NĂM HỌC 2026-2027		HỌC KỲ I																					TẾT	HỌC KỲ II																					NGHI HỀ																				
THÁNG		9				10				11				12				01/2027					2					3				4				5				6				7				8				9													
TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53											
KHOA HỌC	NGÀY/LỚP	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6											
		13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	5	12											
	25CD.DU.15B	1. Hóa Phân tích {3TC: 02LT - 01TH (II)} 2. Dược liệu {5TC: 03LT - 02TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 03 LT} 4. Dược lý {5TC: 03LT - 02TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Tự chọn 1 {SV chọn 01môn tương đương 02 tín chỉ} Dinh dưỡng -Tiết chế/SK Môi trường và vệ sinh/Dịch tễ học {02 TC: 01LT} 2. Quản lý tồn trữ thuốc {02TC: 01LT - 01TH (I)}								3. Tổ chức quản lý dược {2TC: 02 LT} 4. Hóa dược {3TC: 02LT - 01TH (II)}								5. Bảo chế {5TC: 03LT - 02TH (II)} 6. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2											
	D1AK2025 (**)	1. Giải phẫu - Sinh lý {4TC: 03LT - 01TH (II)} 2. Hoá phân tích {2TC: 01LT - 01TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 02 LT - 01TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Hoá dược {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 2. Dược liệu {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH}								3. Dược lý I {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 4. Bảo chế I {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 5. Quản lý tồn trữ thuốc {2TC: 02 LT}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																			
	D1BK2025 (**)	1. Giải phẫu - Sinh lý {4TC: 03LT - 01TH (II)} 2. Hoá phân tích {2TC: 01LT - 01TH (II)}								3. Bệnh học {3TC: 02 LT - 01TH (I)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Hoá dược {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 2. Dược liệu {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH}								3. Dược lý I {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 4. Bảo chế I {4TC: 30 tiết LT - 45 tiết TH} 5. Quản lý tồn trữ thuốc {2TC: 02 LT}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																			
	25CD.HA.17	1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. Vật lý tia X-Điện kỹ thuật {3TC: 02LT - 01TH (II)} 4. Kỹ thuật phòng tối {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. Giải phẫu Xquang {3TC: 02LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Pháp luật {2TC: 02LT} 2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 1 {3TC: 01LT - 02TH (II)}								4. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 2 {3TC: 01LT - 02TH (II)} 5. KT X-quang không dùng thuốc cân quang 3 {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 1 {4TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																							
	25CD.XN.17	1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. Giải phẫu bệnh {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Vi sinh 1 {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Ký sinh trùng 1 {3TC: 02LT - 01TH (II)} 6. Hóa sinh 1 {3TC: 02LT - 01TH (II)}								Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Pháp luật {2TC: 02LT} 2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. Vi sinh 2 {3TC: 01LT - 02TH (I)}								4. Huyết học tế bào {4TC: 02LT - 02TH (II)} 5. Huyết học đông máu {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. THỰC HÀNH XÉT NGHIỆM 1 {4TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																							
25CD.HS.13	1. Giáo dục chính trị {4TC: 03LT - 01TH (I)} 2.Tiếng Anh 1 {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. Điều dưỡng Nội khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)} 4. Điều dưỡng Ngoại khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Dược lý {3TC: 02LT - 01TH (I)}				3. DD Nội khoa {1TC: TTLS (III)}		4. DD Ngoại khoa {1TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Pháp luật {2TC: LT} 2. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 3. CSSK Phụ nữ {2TC: 01LT - 01TH (II)}								4. CS Thai nghén {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. CS Chuyên dạ & đẻ thường {2TC: 01LT - 01TH (II)} 6. CS Chuyên dạ & đẻ khó {2TC: 01LT - 01TH (II)}				7. LS CSSK PHỤ NỮ & THAI NGHÉN {2TC: TTLS (III)}		8. LS CS CHUYÊN ĐÀ ĐỀ THUÔNG ĐỀ KHÓ {2TC: TTLS (III)}		Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																								
25CD.PHR.8	1. Cẩn khớp học {2TC: 01LT - 01TH (II)} 2. Đau (khuyết) & mẫu trong KTPHR {2TC: 01LT - 01TH (II)}				3. Vật liệu Nha khoa {2TC: 02LT} 4. Ghi và tái lập các tương quan {2TC: 01LT - 01TH (II)} 5. Tạo mẫu & KT sắp {2TC: 01LT - 01TH (II)}				6. Tạo mẫu & KT nhựạ {2TC: 01LT - 01TH (II)} 7. Vật liệu PHR {2TC: 01LT - 01TH (II)} 8. KSNK trong chuyên ngành RHM {2TC: 01LT - 01TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 2. KTPH cổ định 1: răng chốt, cùi giả, inlay-onlay {3TC: 01LT - 02TH (II)}								3. KTPH tháo lắp 1: toàn phần {3TC: 01LT - 02TH (II)} 4. Trang thiết bị quản lý lab nha khoa {2TC: 01LT - 01TH (II)}				5. KTPH tháo lắp 2: từng phần {2TC: 01LT - 02TH (II)} 6. PHỐI HỢP LÂM SÀNG 1 {3TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																								
25CD.PHCN.8	1. VL đại cương và Lý sinh {2TC: 02LT} 2. Quản lý và Tổ chức Y tế {2TC:02LT}				3. Bệnh học {03TC: 03LT} 4. GP chức năng hệ vận động & thần kinh {4TC: 02LT - 02TH (II)} 5. Quá trình phát triển con người {2TC: 01LT - 01TH (II)}								6. Lượng giá chức năng vận động {4TC: 01LT - 03TH (II)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2				1. Tiếng Anh 2 {3TC: 02LT - 01TH (I)} 2. Các phương pháp điều trị VLTL {3TC: 01LT - 02TH (II)}								3. QL khoa/phòng VLTL {2TC: 02LT} 4. Vận động trị liệu {4TC: 01LT - 03TH (II)} 5. Tự chọn 2 {SV chọn 01môn tương đương 02 TC} Dinh dưỡng - Tiết chế/SK Môi trường - VS/Dịch tễ học {2TC: 02LT}								6. THỰC TẬP LÂM SÀNG 1 {3TC: TTLS (III)}				Công tác tổ chức Thi & Chăm KTMH				Công tác tổ chức Thi & Chăm Thi Lần 2																

[illegible]

Ghi chú:	Nghi tết (Tết Nguyên Đán)	Nghi lễ (Các ngày nghi lễ theo quy định của Nhà nước)	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Kết thúc môn học	Công tác tổ chức Thi và chấm Thi Lần 2	Thực tập lâm sàng (Tại các đơn vị lâm sàng)	Thực tập cuối khóa (Tại các đơn vị lâm sàng - Các lớp Năm 3)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Các lớp Năm 2 và Năm 1)	Xét tốt nghiệp (Các lớp Năm cuối)
-----------------	--------------------------------------	--	--	---	--	---	--	--

a) TH (I):	Lớp học thực hành bài tập tại lớp học (01 Tin chỉ = 30 giờ chuẩn)
b) TH (II):	Lớp học thực hành nghề nghiệp tại phòng thực tập (01 Tin chỉ = 30 giờ chuẩn)
c) TH (III):	Lớp học thực hành nghề nghiệp tại các đơn vị làm sàp (01 Tin chỉ = 45/40 giờ chuẩn)
d) LT:	Lớp học lý thuyết tại lớp học (01 Tin chỉ = 15 giờ chuẩn)
e) *:	Môn học điều kiện
f) **	Tổ chức lớp học tại Cơ sở Sinh Chữ (Địa chỉ TDP Cà Đủ, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh hoà)

Lịch học từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (Học 03 ca/ngày)		
Ca	Thời gian	Ghi chú
Sáng	Từ 07h30 đến 11h30	- Dã tính giờ giải lao (15 phút sau 02 tiết hoặc 03 tiết dạy học)
Chiều	Từ 13h30 đến 17h30	- Lý thuyết 05 tiết/ca sáng hoặc ca chiều - Thực hành tại Trường 04 tiết/ca sáng hoặc ca chiều
Tối	Từ 17h30 đến 20h45	- Thực hành tại Cơ sở Y tế 05 tiết/ca sáng; 04 tiết/ca chiều - Lý thuyết 04 tiết/ca tối - Thực hành tại Trường 03 tiết/ca tối